

THÔN LAI TRUNG

BIỂU THỐNG KÊ THIẾT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SAU BÃO

TT	HỌ GIA ĐÌNH	Cây lúa(Sau gieo trồng 45 ngày)			Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
		Tổng diện tích thiệt hại (m2)	Trong đó		
			Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Phan Thị Sửu	1220,00	732,00	488,00	976.000
2	Phan Thị Mai	3329,50	1.997,70	1.331,80	2.663.600
3	Nguyễn Hữu Hải	2743,00	1.645,80	1.097,20	2.194.400
4	Nguyễn Văn Nhuận	5164,00	3.098,40	2.065,60	4.131.200
5	Lương Thị Thảo	2975,00	1.785,00	1.190,00	2.380.000
6	Phan Thị Mai	2007,50	1.204,50	803,00	1.606.000
7	Nguyễn Văn Hưng	2351,00	1.410,60	940,40	1.880.800
8	Nguyễn văn Thiết	6170,30	3.702,20	2.468,10	4.936.250
9	Nguyễn Văn Tùng	2289,40	1.373,50	915,90	1.831.450
10	Nguyễn Văn Tân	3204,00	1.922,40	1.281,60	2.563.200
11	Nguyễn Văn Minh	3598,90	2.159,00	1.439,90	2.878.950
12	Nguyễn Thị Bình	500,00	500,00		500.000
13	Phan Xuân Khánh	4659,00	2.775,00	1.884,00	3.717.000
14	Nguyễn Thị Nhiệm	1891,70	1.135,00	756,70	1.513.350
15	Nguyễn Văn Cường	5200,40	3.120,00	2.080,40	4.160.200
16	Phan Xuân Anh	4353,40	2.612,00	1.741,40	3.482.700
17	Nguyễn Văn Hùng	1177,80	706,70	471,10	942.250
18	Thái Thị Thề	750,00	750,00		750.000
19	Phan Xuân Đuế	3510,10	2.106,10	1.404,00	2.808.100
20	Nguyễn Thị Lan	4135,20	2.481,10	1.654,10	3.308.150
21	Võ Văn Cháu	5724,00	3.434,40	2.289,60	4.579.200
22	Phan Thị Thủy	2500,00	1.500,00	1.000,00	2.000.000
23	Nguyễn Song Luân	7318,00	5.168,00	2.150,00	6.243.000
24	Võ Văn Tửu	2120,00	1.272,00	848,00	1.696.000

25	Võ Văn Thìn	2300,00	1.380,00	920,00	1.840.000
26	Nguyễn Hữu Trọng	3821,00	2.292,60	1.528,40	3.056.800
27	Nguyễn Văn Thái	3734,00	2.240,40	1.493,60	2.987.200
28	Võ Văn Duẩn	3300,00	1.980,00	1.320,00	2.640.000
29	Nguyễn Hữu Hạnh (Lĩnh)	2220,60	1.332,40	888,20	1.776.500
30	Nguyễn Văn Đố	5256,00	3.153,60	2.102,40	4.204.800
31	Hoàng Thị An	1298,70	779,20	519,50	1.038.950
32	Phan Thị Phước	650,00	650,00		650.000
33	Nguyễn Văn Khánh	5701,70	3.421,00	2.280,70	4.561.350
34	Nguyễn Sông Lô	1268,00	760,80	507,20	1.014.400
35	Nguyễn Văn Chương	4490,00	2.694,00	1.796,00	3.592.000
36	Nguyễn Hữu Cảnh	2851,27	1.710,75	1.140,52	2.281.010
37	Lê Thị Huệ	3381,00	2.028,60	1.352,40	2.704.800
38	Nguyễn Hữu Bằng	800,00	800,00		800.000
39	Võ Văn Minh	3461,60	2.076,96	1.384,64	2.769.280
40	Trần Thị Hường	800,00	800,00		800.000
41	Nguyễn Hữu Thọ	2403,00	1.441,80	961,20	1.922.400
42	Phan Xuân Tàn	4600,80	2.760,48	1.840,32	3.680.640
43	Nguyễn Hữu Thanh	1963,00	1.177,80	785,20	1.570.400
44	Phan Xuân Khang	4385,00	2.631,00	1.754,00	3.508.000
45	Nguyễn Thị Nghi	4187,80	2.512,68	1.675,12	3.350.240
46	Phan Xuân Trường	4806,40	2.883,84	1.922,56	3.845.120
47	Nguyễn Văn Đườn	5292,30	3.175,38	2.116,92	4.233.840
48	Phan Văn Châu	4670,10	2.802,06	1.868,04	3.736.080
49	Nguyễn Văn Tính	1237,00	742,20	494,80	989.600
50	Phan Xuân Tùng	4698,00	2.818,80	1.879,20	3.758.400
51	Võ Thị Hựu	500,00	500,00		500.000
52	Võ Tiến Dũng	2051,40	1.230,84	820,56	1.641.120
53	Nguyễn Thị Luân	6300,90	3.780,54	2.520,36	5.040.720
54	Nguyễn Thị Tuyên	640,10	640,10		640.100
55	Phan Thị Nhỏ	1925,10	1.155,06	770,04	1.540.080
56	Nguyễn Hữu Thỏ	2500,00	1.500,00	1.000,00	2.000.000
57	Nguyễn Hữu Bắc	1869,00	1.121,40	747,60	1.495.200
58	Phan Xuân Mạo	3298,70	1.979,22	1.319,48	2.638.960
59	Phan Xuân Tư	6599,90	3.959,94	2.639,96	5.279.920
60	Nguyễn Đình Quang	4311,20	2.586,70	1.724,50	3.448.950

61	Lê Thị Huệ	5211,70	3.127,02	2.084,68	4.169.360
62	Nguyễn Hồng Đào	7162,00	4.297,20	2.864,80	5.729.600
63	Nguyễn Đăng Cường	7376,30	4.425,78	2.950,52	5.901.040
64	Nguyễn Thị Huệ	3500,10	2.100,06	1.400,04	2.800.080
65	Phan Thị Minh	2165,10	1.299,06	866,04	1.732.080
66	Phan Xuân Cảnh	5097,70	3.058,62	2.039,08	4.078.160
67	Phan Xuân Bé	4498,10	2.698,86	1.799,24	3.598.480
68	Lê Thị Xuân	2271,40	1.362,84	908,56	1.817.120
69	Phan Xuân Dũng	4497,90	2.698,74	1.799,16	3.598.320
70	Lương Thị Xuân	2779,60	1.667,76	1.111,84	2.223.680
71	Nguyễn Minh Lượng	695,10	695,10		695.100
72	Võ Tiến Vy	3240,90	1.944,54	1.296,36	2.592.720
73	Phan Thị Tiêu	2063,76	1.238,24	825,52	1.651.000
74	Nguyễn Hữu Cử	4164,60	2.498,80	1.665,80	3.331.700
75	Phan Xuân Đức	3200,00	1.920,00	1.280,00	2.560.000
76	Nguyễn Hữu Vinh	2564,00	1.538,40	1.025,60	2.051.200
77	Lê Ngọc Chung	5100,00	3.060,00	2.040,00	4.080.000
78	Nguyễn văn Hà	1315,00	789,00	526,00	1.052.000
79	Phan Xuân Chương	5489,50	3.293,70	2.195,80	4.391.600
80	Phan Thị Tèo	1250,00	750,00	500,00	1.000.000
81	Nguyễn Hữu Công	4285,00	2.571,00	1.714,00	3.428.000
82	Phạm Thị Sương	3320,00	1.992,00	1.328,00	2.656.000
83	Phan Xuân Duẩn	1917,50	1.150,50	767,00	1.534.000
84	Nguyễn Hữu Tổ	2596,70	1.558,02	1.038,68	2.077.360
85	Nguyễn Trọng Phú	3227,00	1.896,00	1.331,00	2.561.500
86	Phan Xuân Quý	4253,20	2.551,90	1.701,30	3.402.550
87	Nguyễn Hữu Vỹ	3686,10	2.211,70	1.474,40	2.948.900
88	Phan Xuân Thành	5651,20	3.390,70	2.260,50	4.520.950
89	Phan Thị Nam	2960,00	1.776,00	1.184,00	2.368.000
90	Hoàng Thị Nga	1339,00	803,40	535,60	1.071.200
91	Nguyễn Thị Từ	2892,50	1.735,50	1.157,00	2.314.000
92	Võ Sỹ Kỳ	3637,00	2.182,20	1.454,80	2.909.600
93	Nguyễn Văn Ánh	3558,00	2.135,00	1.423,00	2.846.500
94	Võ Huy Miện	4695,10	2.817,10	1.878,00	3.756.100
95	Từ Thị Tuyết	713,70	713,70		713.700
96	Phan Xuân Hậu	4547,80	2.728,70	1.819,10	3.638.250

97	Nguyễn Thị Thanh	5396,00	3.237,60	2.158,40	4.316.800
98	Lương Thị Kiệm	3381,70	2.029,00	1.352,70	2.705.350
99	Phan Thanh Tâm	4245,24	2.547,24	1.698,00	3.396.240
100	Phan Xuân Bá	4401,60	2.641,00	1.760,60	3.521.300
101	Võ Văn Dũng	4235,60	2.541,60	1.694,00	3.388.600
102	Võ Văn Giáp	1375,60	825,40	550,20	1.100.500
103	Phan Xuân Tuân	1907,30	1.144,40	762,90	1.525.850
104	Phan Xuân Nhân	2487,00	1.492,00	995,00	1.989.500
105	Phan Xuân Đông	5108,00	3.091,80	2.016,20	4.099.900
106	Nguyễn Thị Xuân	2053,70	1.232,20	821,50	1.642.950
107	Phan Xuân Cẩm	2777,20	1.666,30	1.110,90	2.221.750
108	Phan Thị Hòe	2945,60	1.767,40	1.178,20	2.356.500
109	Phan Văn Thiệu	3819,00	2.291,40	1.527,60	3.055.200
110	Phan Xuân Nghĩa	8135,00	4.881,00	3.254,00	6.508.000
111	Phan Xuân Thiệu	4586,20	2.751,72	1.834,48	3.668.960
112	Hà Thị Hồng	3723,60	2.234,20	1.489,40	2.978.900
113	Phan Xuân Hải	3380,00	2.008,00	1.372,00	2.694.000
114	Phan Xuân Thiết	2400,00	1.440,00	960,00	1.920.000
115	Phan Xuân Nam	1910,10	1.146,06	764,04	1.528.080
116	Nguyễn Thị Luận	2364,90	1.418,94	945,96	1.891.920
117	Phan Thị Thi	1800,00	1.080,00	720,00	1.440.000
118	Nguyễn Văn Thao	3999,80	2.399,88	1.599,92	3.199.840
119	Phan Xuân Bồng	4611,10	2.766,66	1.844,44	3.688.880
120	Trần Thị Lý	2350,00	1.410,00	940,00	1.880.000
121	Nguyễn Hữu Chiến	4459,00	2.675,40	1.783,60	3.567.200
122	Phan Xuân Tân	4330,00	2.598,00	1.732,00	3.464.000
123	Nguyễn Thị Hạnh	2666,00	1.600,00	1.066,00	2.133.000
124	Nguyễn Văn Thìn	3279,30	1.967,58	1.311,72	2.623.440
125	Trần Đình Văn	2009,00	1.206,00	803,00	1.607.500
126	Nguyễn Thị Đà	699,30	699,30		699.300
127	Phan Xuân Kích	1644,40	986,64	657,76	1.315.520
128	Phan Xuân Đình	3135,00	1.881,00	1.254,00	2.508.000
129	Võ Văn Biểu	1122,20	673,32	448,88	897.760
130	Võ Văn Thuận	2748,40	1.649,04	1.099,36	2.198.720
131	Phan Xuân Việt	2485,00	1.411,00	1.074,00	1.948.000
132	Võ Văn Hòa	1502,00	901,20	600,80	1.201.600

133	Phan Xuân Đới	803,50	803,50		803.500
134	Lương Thị Luyện	2036,00	1.222,00	814,00	1.629.000
135	Phan Thị Hồng	590,00	590,00		590.000
136	Nguyễn Hữu Thắng	3500,00	2.100,00	1.400,00	2.800.000
137	Đậu Bá Hoàn	2194,90	1.316,94	877,96	1.755.920
138	Phan Xuân Tuấn	752,00	752,00		752.000
139	Đậu Bá Định	2206,00	1.323,60	882,40	1.764.800
140	Phan Thị Phương	1126,80	676,08	450,72	901.440
141	Nguyễn Hữu Khuyến	655,00	655,00		655.000
142	Bùi Thị Thường	2881,30	1.728,78	1.152,52	2.305.040
143	Nguyễn Thị Niên	3076,00	1.845,60	1.230,40	2.460.800
144	Bùi Thị Huê	4727,00	2.836,20	1.890,80	3.781.600
145	Phan Xuân Đệ	3841,30	2.304,78	1.536,52	3.073.040
146	Phan Xuân Duẩn	3681,00	2.208,00	1.473,00	2.944.500
147	Phan Xuân Yên	1107,00	664,20	442,80	885.600
148	Nguyễn Hữu Đồ	3019,00	1.811,40	1.207,60	2.415.200
149	Nguyễn Văn Tân	2686,40	1.611,84	1.074,56	2.149.120
150	Võ Văn Tý	1758,60	1.055,16	703,44	1.406.880
151	Nguyễn Văn Tao	5361,92	3.217,00	2.144,92	4.289.460
152	Nguyễn Văn Chinh	3909,10	2.345,46	1.563,64	3.127.280
153	Đậu Bá Thành	3030,30	1.818,18	1.212,12	2.424.240
154	Phan Xuân Đức	3590,00	2.154,00	1.436,00	2.872.000
155	Trần Đình Chương	3738,80	2.243,28	1.495,52	2.991.040
156	Trần Đình Cường	1000,00	600,00	400,00	800.000
157	Trần Đình Phi	1500,00	900,00	600,00	1.200.000
158	Nguyễn Hữu Hương	1354,00	812,40	541,60	1.083.200
159	Nguyễn Hữu Cầm	2014,00	1.212,00	802,00	1.613.000
160	Phan Xuân Linh	3953,50	2.372,10	1.581,40	3.162.800
161	Trần Đình Vân	500,00	500,00		500.000
162	Trần Đình Đức	2849,00	1.709,40	1.139,60	2.279.200
163	Phan Thị Truyền	600,10	600,10		600.100
164	Nguyễn Hữu Nguyên	3997,40	2.398,44	1.598,96	3.197.920
165	Nguyễn Trọng Ninh	2650,50	1.590,30	1.060,20	2.120.400
166	Nguyễn Văn Bằng	3005,00	1.803,00	1.202,00	2.404.000
167	Lê Ngọc Tường	3087,40	1.852,44	1.234,96	2.469.920
168	Lê Văn Phúc	3445,60	2.067,36	1.378,24	2.756.480

169	Lê Viết Tân	4606,80	2.764,08	1.842,72	3.685.440
170	Nguyễn Đình Hùng	3438,00	2.063,00	1.375,00	2.750.500
171	Phan Xuân Thuấn	4391,10	2.634,66	1.756,44	3.512.880
172	Võ Văn Huê	2942,40	1.765,44	1.176,96	2.353.920
173	Lê Sỹ Hạnh	5235,20	3.141,12	2.094,08	4.188.160
174	Trần Đăng Hải	2037,70	1.222,62	815,08	1.630.160
175	Nguyễn Văn Bình	3695,10	2.217,06	1.478,04	2.956.080
176	Phan Thị Tèo	1948,00	1.169,00	779,00	1.558.500
177	Nguyễn Thị Hồng	566,00	566,00		566.000
178	Nguyễn Thị Tuyết	630,00	630,00		630.000
179	Phan Xuân Tuấn	1172,40	703,44	468,96	937.920
180	Phan Xuân Duyệt	1133,00	679,80	453,20	906.400
181	Phan Thị Vân	566,00	566,00		566.000
182	Phan Xuân Vịnh	3600,00	2.160,00	1.440,00	2.880.000
183	Cao Thị Thành	566,00	566,00		566.000
184	Nguyễn Hữu Thọ	3397,80	2.038,68	1.359,12	2.718.240
185	Phan Xuân Sứ	2718,30	1.630,98	1.087,32	2.174.640
186	Lê Xuân Hùng	3782,20	2.269,32	1.512,88	3.025.760
187	Phan Thị Lự	2467,90	1.480,74	987,16	1.974.320
188	Phan Xuân Tùng	3253,70	1.952,22	1.301,48	2.602.960
189	Nguyễn Hữu Hiền	4080,50	2.448,30	1.632,20	3.264.400
190	Nguyễn Thị Chắt	2176,90	1.306,14	870,76	1.741.520
191	Phan Đức Phú	3443,30	2.065,98	1.377,32	2.754.640
192	Lê Viết Thịnh	1181,00	728,00	453,00	954.500
193	Lê Viết Xương	2311,30	1.386,78	924,52	1.849.040
194	Thái Văn Huống	3141,50	1.884,90	1.256,60	2.513.200
195	Phan Xuân Tuyển	1669,60	1.001,76	667,84	1.335.680
196	Phan Xuân Bồng	1669,20	1.001,52	667,68	1.335.360
197	Phan Xuân Quế	1116,90	670,14	446,76	893.520
198	Phạm Hồng Sơn	4845,00	2.907,00	1.938,00	3.876.000
199	Phan Văn Tiến	5096,00	3.018,00	2.078,00	4.057.000
200	Hoàng Thị Thủy	1687,80	1.012,68	675,12	1.350.240
201	Cao Văn Vinh	2840,00	1.704,00	1.136,00	2.272.000
202	Phan Xuân Luận	700,00	700,00		700.000
203	Cao Văn Trọng	1108,30	664,98	443,32	886.640
204	Phan Viết Mai	3341,00	3.005,00	336,00	3.173.000

205	Phan Văn Nghiệm	2578,00	1.547,00	1.031,00	2.062.500
206	Lê Viết Thủy	2201,50	1.320,90	880,60	1.761.200
207	Phan Viết Thám	3406,90	2.044,14	1.362,76	2.725.520
208	Nguyễn Văn Vũ	2906,20	1.743,72	1.162,48	2.324.960
209	Nguyễn văn Nga	3333,50	2.000,10	1.333,40	2.666.800
210	Hà Huy Hoàng	4045,00	2.427,00	1.618,00	3.236.000
211	Phan Viết Đại	3217,20	1.930,00	1.287,20	2.573.600
212	Phan Thị Hồng	519,50	519,50		519.500
213	Hoàng Văn Bình	3916,00	2.349,60	1.566,40	3.132.800
214	Thái Văn Học	2838,00	1.823,00	1.015,00	2.330.500
215	Lê Viết Chung	2330,00	1.398,00	932,00	1.864.000
216	Nguyễn Văn Tuấn	5073,96	3.044,00	2.029,96	4.058.980
217	Phan Xuân Ninh	3548,00	2.129,00	1.419,00	2.838.500
218	Phan Thị Hoan	2518,00	1.510,80	1.007,20	2.014.400
219	Phan Viết Điện	1797,00	1.078,20	718,80	1.437.600
220	Phan Xuân Trình	2112,50	1.267,50	845,00	1.690.000
221	Phan Thị Huế	1352,00	645,00	707,00	998.500
222	Phan Xuân Hoạt	3489,40	2.093,64	1.395,76	2.791.520
223	Phan Duy Tuấn	4480,68	3.164,00	1.316,68	3.822.340
224	Nguyễn Trí Nhân	3158,20	1.894,92	1.263,28	2.526.560
225	Lê Văn Phúc	2805,30	1.683,18	1.122,12	2.244.240
226	Lê Viết Tài	2344,00	1.406,00	938,00	1.875.000
227	Cao Văn Thanh	1184,50	710,70	473,80	947.600
228	Lê Văn Nhuận	2639,30	1.583,58	1.055,72	2.111.440
229	Phan Văn Lâm	2311,80	1.387,00	924,80	1.849.400
230	Hoàng Văn Thanh	889,80	889,80		889.800
231	Phạm Quang Vĩ	2374,40	1.824,40	550,00	2.099.400
232	Nguyễn Văn Lợi	1414,40	848,40	566,00	1.131.400
233	Nguyễn Hữu Tuấn	2500,00	1.500,00	1.000,00	2.000.000
234	Hoàng Văn Bồng	1200,00	900,00	300,00	1.050.000
235	Phan Xuân Thái	1000,00	700,00	300,00	850.000
236	Nguyễn Hữu Tân	1900,00	1.140,00	760,00	1.520.000
237	Nguyễn Thị Luân (Vân)	2564,00	1.538,00	1.026,00	2.051.000
238	Nguyễn Văn Anh	5200,00	3.120,00	2.080,00	4.160.000
239	Nguyễn Thị Quyên	4310,00	2.590,00	1.720,00	3.450.000
240	Phan Xuân Trà	3734,00	3.389,00	345,00	3.561.500

241	Phan Văn Linh	1100,00	600,00	500,00	850.000
242	Phan Văn Liêm	700,00	400,00	300,00	550.000
243	Nguyễn Hữu Đức	800,00	500,00	300,00	650.000
244	Nguyễn Văn Ánh	500,00	500,00		500.000
245	Nguyễn Hữu Hòa	1100,00	600,00	500,00	850.000
246	Phan Xuân Việt (T)	2400,00	1.300,00	1.100,00	1.850.000
247	Lê Diễn Viên	1200,00	800,00	400,00	1.000.000
248	Phan Thị Ngọc	1400,00	900,00	500,00	1.150.000
249	TỔNG CỘNG	722039,53	443.226,93	278.813	582.633.230